

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy Ủy nhiệm chi số 62 ngày 7 tháng 4 năm 2021)

Mẫu số 09
Mã hiệu :
Số :

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**

2. Mã đơn vị: **1048792**

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**

I. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								Tiền học bổng	Ghi chú		
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HD	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Chi công phục vụ ăn sáng T3/2021	Công phục vụ bán trú T3/2021	Chi hỗ trợ phục vụ hoạt động giảng dạy T3/2021	Chi tiền quản lý lớp năng khiếu T3/2021				
1	2	3		4	5	6	7	8	9.1	9.2	9.3	9.3	10	11	12	
				Tổng số	192.350.776	0	0	0	0	52.498.310	108.427.100	17.929.090	13.496.276	0	0	
I	Đối với công chức, viên chức:			160.814.269	0	0	0	0	38.808.210	93.768.550	15.926.950	12.310.559	0			
1	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đông Á	5.342.655					1.119.300	2.712.150	463.050	1.048.155				
2	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đông Á	4.817.782					1.119.300	2.623.950	418.950	655.582				
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	5.032.245					1.080.300	2.623.950	418.950	909.045				
4	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đông Á	4.773.380					1.026.000	2.952.000	414.000	381.380				
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	5.268.500					1.221.000	3.078.000	418.000	551.500				
6	Ngô Hoàng Uyên Mi	0107817627	NH Đông Á	5.362.640					1.368.000	3.116.000	437.000	441.640				
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	5.918.720					1.430.330	3.605.000	655.000	228.390				
8	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đông Á	5.313.000					1.500.000	3.219.000	594.000					
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	4.975.180					1.134.670	2.950.000	418.000	472.510				
10	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	5.918.720					1.430.330	3.605.000	655.000	228.390				
11	Lê Thụy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	4.152.910					957.380	2.484.000	352.000	359.530				
12	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	5.443.090					1.470.000	2.975.000	525.000	473.090				
13	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	4.542.920					1.218.000	2.550.000	450.000	324.920				
14	Phạm Thị Nguyên Thùy	0109940965	NH Đông Á	5.152.510					1.184.000	3.078.000	418.000	472.510				
15	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	5.002.990					1.216.000	2.952.000	414.000	420.990				
16	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đông Á	4.632.000					1.300.000	2.716.000	616.000					
17	Trần Thị Bích Trâm	0102552460	NH Đông Á	4.542.920					1.218.000	2.550.000	450.000	324.920				
18	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đông Á	3.781.000					988.000	2.310.000	483.000					
19	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đông Á	2.413.000					650.000	1.419.000	344.000					
20	Nguyễn Thị Thủy Trang	0107817774	NH Đông Á	3.615.000					705.000	2.350.000	560.000					
21	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đông Á	3.409.000					640.000	2.209.000	560.000					
22	Sử Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đông Á	4.302.530					999.000	2.592.000	352.000	359.530				
23	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đông Á	6.380.640					1.615.000	3.824.000	500.000	441.640				
24	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đông Á	5.203.545					1.119.300	2.712.150	463.050	909.045				

25	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đông Á	3.835.000						899.000	2.322.000	614.000					
26	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đông Á	5.002.990						1.216.000	2.952.000	414.000	420.990				
27	Trần Thị Thanh Thảo	0109953669	NH Đông Á	2.860.000						780.000	1.700.000	380.000	0				
28	Đào Vũ Uyên Duy	0110862343	NH Đông Á	4.632.000						1.300.000	2.716.000	616.000					
29	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đông Á	5.443.090						1.470.000	2.975.000	525.000	473.090				
30	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đông Á	4.773.380						1.026.000	2.952.000	414.000	381.380				
31	Nguyễn Song Hà Ný	0110899069	NH Đông Á	4.613.625						1.073.000	2.754.000	374.000	412.625				
32	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đông Á	4.613.625						1.073.000	2.754.000	374.000	412.625				
33	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đông Á	5.268.500						1.221.000	3.078.000	418.000	551.500				
34	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đông Á	4.475.182						1.041.300	2.359.350	418.950	655.582				
II	Đổi với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)			21.468.507	0	0	0	0		5.690.100	12.590.550	2.002.140	1.185.717	0	0	0	
1	Phạm Thanh Phú	0102382400	NH Đông Á	4.051.058						1.041.300	2.182.950	418.950	407.858				
2	Nguyễn Dương	0108802675	NH Đông Á	4.051.058						1.041.300	2.182.950	418.950	407.858				
3	Bùi Diễm Tú Minh	0101631076	NH Đông Á	3.958.932						1.017.900	2.182.950	388.080	370.002				
5	Ôn Thị Thanh Thanh	0102382400	NH Đông Á	4.703.730						1.294.800	3.020.850	388.080	0				
6	Mai Thị Nguyệt	0101631076	NH Đông Á	4.703.730						1.294.800	3.020.850	388.080	0				
III	Đổi với lao động thường xuyên theo hợp đồng			10.068.000	0	0	0	0		8.000.000	2.068.000	0	0	0	0	0	
4	Ngô Thị Cẩm Linh	0108802675	NH Đông Á	2.956.000						2.000.000	956.000	0	0				
1	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0103641702	NH Đông Á	3.556.000						3.000.000	556.000	0	0				
2	Lê Thị Yến Trinh	0103641702	NH Đông Á	3.556.000						3.000.000	556.000	0	0				

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi hai triệu ba trăm năm mươi ngàn bảy trăm bảy mươi sáu đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Nguyễn Thị Hồng Tâm

KHO BẠC NHÀ NƯỚC



Trần Thị Kiều Nhung

Chuyên viên kiểm soát chi / Giao dịch viên

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc BKNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện